

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-02-2024

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Minh Chiến;
- Ông Hồ Xuân Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 324/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2023 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 223/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1970 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các giai đoạn tố tụng tiếp theo, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Trước khi cưới, ông và bà Nguyễn Thị H1 có tìm hiểu nhau trong thời gian ngắn. Cả hai tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại A, N, A, Bình Định. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Khoảng năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà H1 không chăm sóc ông khi ông bị tai nạn

giao thông. Mặt khác, ông phát hiện bà H1 có tình cảm với người khác. Hiện nay ông và bà H1 không còn sống chung. Ông xác định không còn tình cảm với bà H1 nữa nên yêu cầu giải quyết ly hôn.

Vợ chồng ông có một người con chung tên Nguyễn Duy H2, sinh ngày 07/8/2003. Hiện nay con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn H đối với bà Nguyễn Thị H1.

- Người con chung tên Nguyễn Duy H2, sinh ngày 07/8/2003 đã trưởng thành nên không xét.

- Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung vì đương sự không tranh chấp.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị H1 có địa chỉ cư trú tại khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Ông H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bà H1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà H1.

[3] Bà H1 mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 96, Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án đã thu thập để giải quyết vụ án.

[4] Ông H và bà H1 tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà H1 là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H1 biết ông H yêu cầu ly hôn nhưng không phản đối bằng văn bản và giao nộp tài liệu chứng cứ chứng minh. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà H1 đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông H. Mặt khác, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Việc ông H và bà H1 tự chấm dứt cuộc sống chung làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của ông H là có căn cứ chấp nhận.

[5] Ông H và bà H1 có người con chung tên Nguyễn Duy H2, sinh ngày 07/8/2003. Hiện nay con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu 300.000 đồng.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 96; Điều 97; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn H đối với bà Nguyễn Thị H1.
2. Không giải quyết về quan hệ con chung.
3. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung vì đương sự không yêu cầu.
4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004361 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ông Nguyễn Văn H đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSND thị xã An Nhơn;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- Phòng KTNV & THA
TAND tỉnh Bình Định;
- Ủy ban nhân dân xã Cát Tường
huyện Phù Cát (GCNKH số 02/2002);
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Duy Minh